

Kh¹ a h c :	L p h c : 36CCĐ4	N¹ n h c : 2013-2014	ñ VHT : 4 (60,0,0,0,0,0)
H ñT :	H c ph n : 131017200202 - C h c k t c u	H c km : HK01	

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ TĩN	NGÀY SINH	ĩI M THI NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ĩI M THI	QUY TS : 70%	ĩI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671041107	36CCĐ4	Huinh T n An	12/10/1993				2.0	3.0	5.0	3.3	1.0	4.5	3.2	4.1	
2	3671040754	36CCĐ3	VHKhũªn An	06/01/1994				2.0	5.0	3.0	3.3	1.0	2.0	1.4	2.4	
3	3671042011	36CCĐ3	Lê Hùng Anh	20/12/1994				6.0	5.0	5.0	5.3	1.6	6.5	4.6	6.2	
4	3471010011	34CCD3	Nguy nĩ c Anh	29/12/1992				9.0	6.0	7.0	7.3	2.2	3.5	2.5	4.7	
5	3671040897	36CCĐ3	Ph m Tu n Anh	25/08/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
6	3671041967	36CCĐ4	Tr n Qu c B o	14/08/1994				6.0	4.0	4.0	4.7	1.4	4.0	2.8	4.2	
7	3671040718	36CCĐ3	ĩ oĩn L p Công	16/07/1993				1.0	2.0	5.0	2.7	0.8	0.8	0.6	1.4	N HP
8	3671040732	36CCĐ3	Nguy n Duy C ng	27/08/1994				1.0	2.0	3.0	2.0	0.6	2.0	1.4	2.0	
9	3671040911	36CCĐ3	Tr nh Trung Chánh	29/07/1993				6.0	8.0	7.0	7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
10	3671040670	36CCĐ3	L² Tr nh Vi t Chinh	15/04/1986				3.0	4.0	4.0	3.7	1.1	6.0	4.2	5.3	N HP
11	3671041178	36CCĐ4	Nguy n C»ng Danh	23/08/1993				1.0	1.0	5.0	2.3	0.7	1.5	1.1	1.8	
12	3671040965	36CCĐ3	Nguy n Xuªn Di u	20/04/1994				1.0	0.0	0.0	0.3	0.1	0.0	0.0	0.1	N HP
13	3671041140	36CCĐ4	Nguy n Kh"nh Duy	13/04/1994				2.0	3.0	7.0	4.0	1.2	2.8	2.0	3.2	
14	3671040714	36CCĐ3	Hoĩng Vi t Diĩng	07/11/1988				4.0	7.0	8.0	6.3	1.9	5.5	3.9	5.8	
15	3671041132	36CCĐ4	Tr n Quang Diĩng	27/12/1993				1.0	1.0	3.0	1.7	0.5	6.0	4.2	4.7	
16	3671041263	36CCĐ4	Phan Anh ĩ oĩn	10/06/1994				8.0	8.0	6.0	7.3	2.2	8.0	5.6	7.8	
17	3671041006	36CCĐ3	Nguy n T³ĩ ĩ »ng	11/10/1994				6.0	3.0	7.0	5.3	1.6	1.5	1.1	2.7	
18	3671041950	36CCĐ4	Lê Hoàng ĩ c	25/03/1994				8.0	6.0	7.0	7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
19	3671041496	36CCĐ4	Hoĩng Vĩĩ ĩ c	13/06/1994				5.0	5.0	5.0	5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 131017200202 - C h c k t c u H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671041035	36CCĐ3	Lê Công ấ c	06/11/1994				1.0	1.0	5.0	2.3	0.7	4.0	2.8	3.5	
21	3671041222	36CCĐ4	Nguy n Ch ấ Gi ấ u	26/10/1994				6.0	7.0	8.0	7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
22	3671040901	36CCĐ3	Nguy n T i n H i	28/03/1994				5.0	2.0	3.0	3.3	1.0	0.0	0.0	1.0	N HP
23	3671040710	36CCĐ3	Nguy n V ấ H i	18/03/1993				7.0	5.0	6.0	6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	
24	3671041994	36CCĐ4	Nguy n Ph ấ H u	21/06/1994				4.0	5.0	7.0	5.3	1.6	1.5	1.1	2.7	
25	3671041141	36CCĐ4	Nguy n V ấ H u	10/07/1994				4.0	6.0	5.0	5.0	1.5	4.3	3.0	4.5	
26	3671041197	36CCĐ4	ấ ng V ấ H i n	11/03/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
27	3671041173	36CCĐ4	Nguy n Quang H i u	28/03/1994				4.0	4.0	5.0	4.3	1.3	3.5	2.5	3.8	
28	3671041475	36CCĐ4	Nguy n Trung H i u	11/11/1994				0.0	1.0	1.0	0.7	0.2	0.0	0.0	0.2	
29	3671040881	36CCĐ3	ấ Minh Ho ấ	02/01/1994				3.0	5.0	7.0	5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
30	3671040832	36CCĐ3	ấ ng Ng c Ho ấ ng	12/07/1994				2.0	0.0	0.0	0.7	0.2	0.0	0.0	0.2	N HP
31	3671040657	36CCĐ3	Lê Minh Ho ấ ng	16/12/1994				4.0	4.0	4.0	4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
32	3471010124	34CCD3	Phan Minh Ho t	04/03/1992				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
33	3671041087	36CCĐ4	ấ ng Th ấ i Ho ấ	01/06/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
34	3471010140	34CCD7	Nguy n V ấ Ho ấ	28/04/1990				4.0	2.0	0.0	2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
35	3571011832	35CCĐ4	CH ấ U HI P HUY	17/12/1992				4.0	4.0	3.0	3.7	1.1	3.5	2.5	3.6	
36	3671042030	36CCĐ4	ấ Thanh H ầ ng	02/10/1994				3.0	3.0	6.0	4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
37	3671041024	36CCĐ3	Tr n ấ ấ ng H ầ ng	20/05/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
38	3671041079	36CCĐ4	B ấ i Tu n Ki t	07/11/1994				4.0	1.0	0.0	1.7	0.5	0.0	0.0	0.5	

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh ¹ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ăm h c : 2013-2014 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 131017200202 - C h c k t c u H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V ì T c N		NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671040817	36CCĐ3	Hu m h An	Khang	08/07/1994				7.0	8.0	9.0	8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
40	3671040694	36CCĐ3	Nguy n Tu n	Khanh	22/12/1994				7.0	9.0	8.0	8.0	2.4	9.0	6.3	8.7	
41	3671041003	36CCĐ3	ñ o ¼ Tu n	Kh i	17/05/1994				0.0	6.0	3.0	3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
42	3671041460	36CCĐ4	Tr n ã c	Khánh	10/05/1994				2.0	4.0	2.0	2.7	0.8	1.0	0.7	1.5	
43	3671041170	36CCĐ4	ñ ng Anh	Khoa	09/03/1992				1.0	6.0	5.0	4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
44	3671041080	36CCĐ4	Nguy n V ã	Khoa	12/12/1994				6.0	6.0	8.0	6.7	2.0	9.3	6.5	8.5	
45	3471010182	34CCD4	V H Tu n Anh	Liêm	16/08/1992				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
46	3671041144	36CCĐ4	Nguy n V H	Linh	12/08/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
47	3671040910	36CCĐ3	T ng V ã	Linh	10/09/1993				5.0	7.0	5.0	5.7	1.7	5.5	3.9	5.6	
48	3671041213	36CCĐ4	Ki u Phi	Long	10/11/1994				5.0	4.0	7.0	5.3	1.6	8.5	6.0	7.6	N HP
49	3671040975	36CCĐ3	Phan Th	M nh	11/06/1993				1.0	6.0	6.0	4.3	1.3	3.0	2.1	3.4	
50	3671040934	36CCĐ3	D ng Thanh	Minh	29/11/1994				1.0	3.0	4.0	2.7	0.8	1.0	0.7	1.5	
51	3671040779	36CCĐ3	V ½ V ã	M ng	29/09/1994				5.0	1.0	5.0	3.7	1.1	3.5	2.5	3.6	N HP
52	3671041519	36CCĐ4	Tr n V ã	Nam	31/08/1994				7.0	6.0	5.0	6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
53	3671040791	36CCĐ3	Nguy n V ã	Ngân	11/07/1994				8.0	7.0	6.0	7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
54	3471010221	34CCD3	L ² Tr ng	Ngh ã	01/06/1992				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
55	3671041209	36CCĐ4	Bùi Quang	Nhã	20/07/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
56	3671040999	36CCĐ3	Hu m h Duy	Nh t	10/02/1993				4.0	3.0	4.0	3.7	1.1	2.5	1.8	2.8	
57	3671040995	36CCĐ3	B ½ Tu n	Nh n	10/05/1993				3.0	3.0	5.0	3.7	1.1	4.0	2.8	3.9	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N h c : 2013-2014 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 131017200202 - C h c k t c u H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñI M THI	QUY TS : 70%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3671042012	36CCĐ4	Ph m V ã	Pháp	15/10/1993				5.0	7.0	2.0	4.7	1.4	6.0	4.2	5.6	
59	3671041073	36CCĐ4	L ² V ã	Phú	14/08/1994				2.0	3.0	6.0	3.7	1.1	4.5	3.2	4.3	
60	3671041984	36CCĐ4	Ng» H u Thi ² n	Ph ng	04/12/1994				8.0	7.0	8.0	7.7	2.3	4.5	3.2	5.4	
61	3671041028	36CCĐ3	Nguy n ã ãh	Ph ng	01/05/1993				5.0	5.0	7.0	5.7	1.7	4.0	2.8	4.5	
62	3671040770	36CCĐ3	Nguy n ã c	Ph ng	28/02/1993				4.0	5.0	7.0	5.3	1.6	6.0	4.2	5.8	
63	3671041053	36CCĐ4	Ngô Minh	Quang	25/02/1993				5.0	0.0	0.0	1.7	0.5	0.0	0.0	0.5	
64	3671041966	36CCĐ3	ñ ng Tr ng	Quân	14/09/1993				2.0	5.0	5.0	4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	
65	3671041036	36CCĐ4	L ² Th	Quý	1994				6.0	8.0	8.0	7.3	2.2	6.5	4.6	6.8	
66	3671040767	36CCĐ3	Hu ãh	Rin	17/03/1993				5.0	6.0	7.0	6.0	1.8	3.8	2.7	4.5	
67	3671040715	36CCĐ3	Phan V ã	Sang	11/06/1994				7.0	9.0	9.0	8.3	2.5	9.5	6.7	9.2	
68	3671040796	36CCĐ3	V ½ Tr ng	Sinh	01/04/1994				2.0	2.0	4.0	2.7	0.8	0.0	0.0	0.8	
69	3671041293	36CCĐ4	Lê Minh	Tân	26/07/1994				5.0	2.0	4.0	3.7	1.1	4.5	3.2	4.3	
70	3671041103	36CCĐ4	ñ ãg Thi ² n	T n	05/08/1992				6.0	3.0	4.0	4.3	1.3	3.0	2.1	3.4	
71	3671042048	36CCĐ4	L ² V ã	Ti n	28/01/1993				9.0	7.0	5.0	7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
72	3671041533	36CCĐ4	Ng» V ã	Ti p	06/02/1993				5.0	5.0	7.0	5.7	1.7	5.5	3.9	5.6	
73	3671040971	36CCĐ3	Hu ãh Minh	Toàn	06/07/1992				7.0	5.0	5.0	5.7	1.7	3.0	2.1	3.8	
74	3671041208	36CCĐ4	Nguy n H ng	Toàn	26/11/1992				1.0	5.0	5.0	3.7	1.1	5.5	3.9	5.0	
75	3671041192	36CCĐ4	Nguy n H u	Toàn	04/08/1993				6.0	4.0	3.0	4.3	1.3	3.0	2.1	3.4	
76	3671041106	36CCĐ4	Nguy n Tr ng	Toàn	17/01/1994				5.0	7.0	6.0	6.0	1.8	8.5	6.0	7.8	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131017200202 - C h c k t c u H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3671041983	36CCĐ3	Tr ấ nh V ấ	To ấ n	06/01/1994				6.0	6.0	3.0	5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	
78	3671040683	36CCĐ3	Ph m Qui	T ồ ng	04/10/1993				2.0	4.0	4.0	3.3	1.0	1.0	0.7	1.7	
79	3671040773	36CCĐ3	ấ o ấ C ấ ng	Tu n	24/08/1994				6.0	8.0	6.0	6.7	2.0	6.5	4.6	6.6	
80	3671040660	36CCĐ3	H ầ Minh	Tu n	12/03/1993				8.0	9.0	8.0	8.3	2.5	4.0	2.8	5.3	
81	3671040746	36CCĐ3	Nguy n Anh	Tu n	20/08/1994				7.0	7.0	5.0	6.3	1.9	3.5	2.5	4.4	
82	3671041202	36CCĐ4	Phan S	Tú	28/02/1994				2.0	4.0	4.0	3.3	1.0	5.5	3.9	4.9	
83	3671041078	36CCĐ4	Nguy n V ấ	Tú c	1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
84	3671041171	36CCĐ4	VH L ấ C ấ ng	Th ầ nh	26/09/1993				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
85	3671040113	36CCĐ3	L 2 Th Ng c	Th o	01/10/1993				6.0	9.0	8.0	7.7	2.3	6.5	4.6	6.9	
86	3671041180	36CCĐ4	L 2 Chi n	Th ng	26/11/1994				1.0	0.0	0.0	0.3	0.1	0.0	0.0	0.1	
87	3671042027	36CCĐ3	Phùng Minh	Th	10/08/1993				3.0	6.0	4.0	4.3	1.3	2.5	1.8	3.1	
88	3671040907	36CCĐ3	H ầ Thanh	Th i	06/06/1993				1.0	1.0	6.0	2.7	0.8	2.0	1.4	2.2	
89	3671040757	36CCĐ3	Nguy n Huy	Tr ng	03/03/1994				5.0	8.0	8.0	7.0	2.1	6.8	4.8	6.9	
90	3671040745	36CCĐ3	Nguy n Kim	Tr ng	01/10/1994				7.0	8.0	8.0	7.7	2.3	7.0	4.9	7.2	
91	3671041139	36CCĐ4	Nguy n Th ầ nh	Tr ng	02/07/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
92	3671040658	36CCĐ3	Nguy n Tr n	V ấ	12/09/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
93	3571010184	36CCĐ3	Nguy n Th ầ i	V ầ n	04/02/1992				8.0	5.0	7.0	6.7	2.0	7.0	4.9	6.9	
94	3671040950	36CCĐ3	Nguy n Anh	Vi t	25/12/1993				4.0	5.0	5.0	4.7	1.4	0.5	0.4	1.8	
95	3671040890	36CCĐ3	Lê Xu ầ n	Vinh	18/01/1993				4.0	7.0	4.0	5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh 1 a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131017200202 - C h c k t c u H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V ầ T c N	NG ẦY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS : 30%	ấ I M TH ầ	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
96	3671040743	36CCĐ3	Ph m V ầ V ầ	23/05/1994				4.0	8.0	8.0	6.7	2.0	4.0	2.8	4.8	

T ng s : 96 h c sinh sinh v ầ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa Gi ầ V ầ n B M ầ n Gi ầ V Khoa